

Số: **93** /BSG-PQHCD

Tp. Hồ Chí Minh, ngày **25** tháng 01 năm 2017

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN
NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
 - Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

- Tên tổ chức: **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA – RƯỢU – NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN (SABECO)**
 - Mã chứng khoán: SAB
 - Địa chỉ trụ sở chính: 06 Hai Bà Trưng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TPHCM
 - Điện thoại: (848) 38 296 342
 - Fax: (848) 38 296 856
 - Người thực hiện công bố thông tin: Ông Bùi Anh Vũ
Chức vụ: Trưởng Ban Kế hoạch – Tổng hợp
- Loại thông tin công bố : ☐ định kỳ ☐ bất thường ☐ 24h ☐ theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

Giải trình số liệu kết quả kinh doanh Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất quý IV/2016

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, PQHCD;

Tài liệu đính kèm:
- Công văn giải trình;

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN**


Bùi Anh Vũ

BỘ CÔNG THƯƠNG
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
BIA-RƯỢU-NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 95 /BSG-KTTK

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01 năm 2017

Kính gửi: - Ủy Ban chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

Tên công ty: Tổng công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn (SABECO)

Địa chỉ: 6 Hai Bà Trưng, Phường Bến Nghé, TP. Hồ Chí Minh

Mã số thuế: 0300583659

Người đại diện: Lê Hồng Xanh Chức vụ: Phụ trách Ban điều hành SABECO

Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC của Bộ Tài Chính về việc công bố thông tin định kỳ của tổ chức quy định giải trình cụ thể đối với trường hợp lợi nhuận sau thuế chênh lệch 10% so với cùng kỳ năm trước.

Tổng công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn giải trình Báo cáo tài chính Quý IV cụ thể như sau:

1. Báo cáo tài chính riêng quý IV năm 2016

(Đơn vị tính: VND)

Chi tiêu	Năm nay	Năm trước	Tăng (+)/Giảm(-)	Tỷ lệ
	1	2	3=1-2	4=3/2
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	8,929,424,894,955	2,051,792,630,113	6,877,632,264,842	335%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	551,915,200		551,915,200	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	8,928,872,979,755	2,051,792,630,113	6,877,080,349,642	335%
4. Giá vốn hàng bán	7,712,934,292,980	2,166,839,672,802	5,546,094,620,178	256%
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	1,215,938,686,775	(115,047,042,689)	1,330,985,729,464	-1157%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	414,736,108,615	959,237,294,616	(544,501,186,001)	-57%
7. Chi phí tài chính	(9,094,356,160)	(19,083,327,376)	9,988,971,216	-52%
8. Chi phí bán hàng	284,426,913,813	280,503,861,341	3,923,052,472	1%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	118,637,595,860	715,099,522,847	(596,461,926,987)	-83%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	1,236,704,641,877	(132,329,804,885)	1,369,034,446,762	
11. Thu nhập khác	19,756,216,157	4,952,866,609	14,803,349,548	299%
12. Chi phí khác	1,428,290,032	3,279,156,326	(1,850,866,294)	-56%
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	18,327,926,125	1,673,710,283	16,654,215,842	995%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	1,255,032,568,002	(130,656,094,602)	1,385,688,662,604	-1061%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	(609,728,975,988)	(53,878,262,493)	(555,850,713,495)	1032%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	782,870,429,498	(133,306,987,873)	916,177,417,371	-687%
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	1,081,891,114,492	56,529,155,764	1,025,361,958,728	1814%

Giải trình nguyên nhân tăng giảm:

- Tổng công ty thay đổi mô hình mua bán bia làm cho doanh thu bán hàng tăng đồng thời doanh thu hoạt động tài chính giảm, việc này làm chuyển đổi lợi nhuận từ công ty con (Công ty TNHH MTV thương mại Sài Gòn) về Công ty mẹ là Tổng công ty.

- Chi phí tài chính tăng do tăng trích lập dự phòng đầu tư tài chính
- Chi phí quản lý doanh nghiệp Quý IV năm 2016 (118.638 triệu đồng) giảm 83% so với Quý IV năm 2015 (715.099 triệu đồng).
- Thu nhập khác tăng chủ yếu do khoản góp vốn bằng lợi thế thương mại.
- Chi phí thuế thu nhập hiện hành giảm và chi phí thuế thu nhập hoãn lại giảm do khoản điều chỉnh thuế Tiêu thụ đặc biệt bổ sung từ 2007 đến 2015 theo Biên bản kiểm tra của Tổng cục thuế.

2. Báo cáo tài chính hợp nhất quý IV năm 2016

(Đơn vị tính: VND)

Chỉ tiêu	Quý 4		Tăng (+)/Giảm (-)	Tỷ lệ
	Năm nay	Năm trước		
1	2	3	4=2-3	5=4/3
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.844.060.044.253	4.922.102.768.635	3.921.957.275.618	79,68%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	10.553.691.946	9.256.980.450	1.296.711.496	14,01%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	8.833.506.352.307	4.912.845.788.185	3.920.660.564.122	79,80%
4. Giá vốn hàng bán	6.575.385.836.236	2.886.239.731.457	3.689.146.104.779	127,82%
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	2.258.120.516.070	2.026.606.056.728		
6. Doanh thu hoạt động tài chính	172.208.247.504	116.365.027.308	55.843.220.196	47,99%
7. Chi phí tài chính	31.051.130.379	61.147.043.774	(30.095.913.395)	-49,22%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	19.476.239.321	18.053.845.235	1.422.394.086	7,88%
8. Phần lãi hoặc lỗ trong liên doanh, liên kết	118.743.266.153	140.637.377.828	(21.894.111.675)	-15,57%
9. Chi phí bán hàng	1.122.079.154.668	1.021.110.701.004	100.968.453.664	9,89%
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	290.164.049.331	298.933.885.309	(8.769.835.978)	-2,93%
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	1.105.777.695.349	902.416.831.777	203.360.863.572	22,54%
12. Thu nhập khác	130.900.292.863	74.060.645.475	56.839.647.388	76,75%
13. Chi phí khác	40.308.112.320	36.055.346.476	4.252.765.844	11,80%
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	90.592.180.543	38.005.298.999	52.586.881.544	138,37%
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	1.196.369.875.892	940.422.130.776	255.947.745.116	27,22%
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	(578.217.882.406)	245.759.158.253	(823.977.040.659)	-335,28%
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	777.814.905.344	(162.759.145.811)	940.574.051.155	-577,89%
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	996.772.852.954	857.422.118.334	139.350.734.620	16,25%

Giải trình nguyên nhân tăng giảm:

- Doanh thu và doanh thu thuần do thay đổi cơ cấu sản phẩm tiêu thụ, tăng giá bán trong kỳ
- Giá vốn tăng do thay đổi giá đầu vào tăng của các mặt hàng xăng dầu, điện nước...
- Doanh thu tài chính tăng do thoái vốn các khoản đầu tư trong kỳ
- Chi phí tài chính giảm do mức chi phí tài chính phải hạch toán giảm so với cùng kỳ
- Thu nhập khác tăng chủ yếu do khoản góp vốn bằng lợi thế thương mại.
- Chi phí thuế thu nhập hiện hành giảm và chi phí thuế thu nhập hoãn lại giảm do khoản điều chỉnh thuế Tiêu thụ đặc biệt bổ sung từ 2007 đến 2015 theo Biên bản kiểm tra của Tổng cục thuế.

Trên đây là giải trình của SABECO báo cáo Ủy ban chứng khoán nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về việc thay đổi lợi nhuận sau thuế Quý IV năm 2016 so với cùng kỳ 2015 trên Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất của SABECO.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT.HĐQT
- Lưu: Văn thư.

PHỤ TRÁCH BAN ĐIỀU HÀNH SABECO



Lê Hồng Xanh